

# Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ  
THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm  
2011**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ  
THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

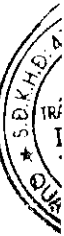
*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm  
2011**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 33



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Tạ Đức Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hải	Thành viên
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên

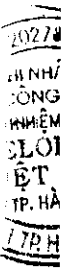
#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cự Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong giai đoạn. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

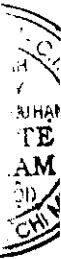
Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hùng Dũng *(Signature)*  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Số. 46 /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam**

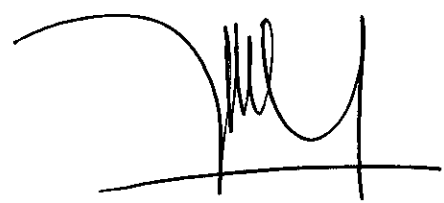
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), từ trang 4 đến trang 33. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11, phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty đã thực hiện ghi nhận khoản đầu tư vào các công ty liên doanh bao gồm Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (MVOT) và Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT) theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Chúng tôi không tiến hành soát xét cũng như kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty liên doanh này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn 3 ở trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

  
**Lê Đình Tứ**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 19 tháng 8 năm 2011  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

  
**Huỳnh Vũ Đại Trọng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 6 tháng

kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

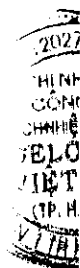
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU B 01-DN/HN**

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>11.478.241</b>	<b>6.908.207</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.872.619</b>	<b>2.786.042</b>
1. Tiền	111		3.926.927	2.118.906
2. Các khoản tương đương tiền	112		945.692	667.136
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>233.326</b>	<b>5.600</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		233.326	5.600
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.185.335</b>	<b>3.554.519</b>
1. Phải thu khách hàng	131		4.429.936	3.223.462
2. Trả trước cho người bán	132		400.390	299.002
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	5.105
4. Các khoản phải thu khác	135		431.086	102.139
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(76.077)	(75.189)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>905.080</b>	<b>445.819</b>
1. Hàng tồn kho	141		908.864	449.603
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.784)	(3.784)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>281.881</b>	<b>116.227</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		22.679	14.097
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		236.105	95.042
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.802	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		21.295	7.088



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.092.338</b>	<b>10.604.993</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>159</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		362	362
2. Phải thu dài hạn khác	218		159	-
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(362)	(362)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.731.551</b>	<b>8.370.398</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	5.420.090	5.365.020
- Nguyên giá	222		7.937.737	7.552.448
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.517.647)	(2.187.428)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	17.852	17.696
- Nguyên giá	228		28.003	24.551
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.151)	(6.855)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	3.293.609	2.987.682
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.660.681</b>	<b>1.699.791</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	1.178.202	1.224.660
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	490.890	484.473
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(8.411)	(9.342)
<b>IV. Lợi thế thương mại</b>		14	<b>17.464</b>	<b>18.487</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>682.483</b>	<b>516.317</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	672.820	513.151
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.682	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.981	3.166
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>22.570.579</b>	<b>17.513.200</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 6 tháng

kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 01-DN/HN

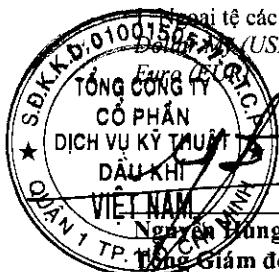
Đơn vị: Triệu đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.910.786</b>	<b>13.778.302</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.913.342</b>	<b>8.207.660</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	3.015.802	1.495.975
2. Phải trả người bán	312		3.972.780	2.543.417
3. Người mua trả tiền trước	313		897.826	342.737
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	507.831	191.638
5. Phải trả người lao động	315		492.460	254.798
6. Chi phí phải trả	316		1.857.714	1.484.486
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	1.057.509	1.732.253
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		111.420	162.356
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.997.444</b>	<b>5.570.642</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		533.091	559.427
2. Phải trả dài hạn khác	333		732.896	722.597
3. Vay và nợ dài hạn	334	18	3.654.915	4.232.266
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	335		68.440	47.938
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		8.102	8.414
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>4.880.518</b>	<b>3.525.378</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>4.880.427</b>	<b>3.525.269</b>
1. Vốn điều lệ	411		2.978.021	1.988.034
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		486.293	486.293
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		79.258	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(126.447)	14.744
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		691.158	691.371
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		107.027	106.628
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		250	451
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		664.867	237.748
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>91</b>	<b>109</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		91	109
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>20</b>	<b>779.275</b>	<b>209.520</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>600</b>		<b>22.570.579</b>	<b>17.513.200</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: các loại  
Đơn vị: USD

Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
	53.082.442	51.601.354,42
	261,34	-



Nguyễn Xuân Cường  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 6 tháng

kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU B 02-DN/HN**

Đơn vị: Triệu đồng

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	11.097.870	7.570.518
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		785	442
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.097.085	7.570.076
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	10.269.099	7.167.679
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		827.986	402.397
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	306.731	267.020
7. Chi phí tài chính	22	25	514.396	238.583
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		128.359	74.836
8. Chi phí bán hàng	24		25.536	16.013
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		224.967	149.072
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		369.818	265.749
11. Thu nhập khác	31	26	247.610	22.988
12. Chi phí khác	32	27	35.641	1.428
13. Lợi nhuận khác	40		211.969	21.560
14. (Lỗ)/ lợi nhuận thuần trong công ty liên kết, liên doanh	41	28	(46.457)	204.046
15. Lợi nhuận trước thuế	50		535.330	491.355
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	87.888	43.598
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	13.820	50.314
18. Lợi nhuận sau thuế	60		433.622	397.443
<i>Phân bổ cho:</i>				
Lợi ích của cổ đông của Tổng Công ty			424.433	404.729
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	20	9.189	(7.286)
Lợi ích của cổ đông nắm giữ trái phiếu	70	30	1.556	2.060



Nguyễn Hùng Dũng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Xuân Cường  
 Kế toán trưởng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011	Từ 1/1/2010
		đến 30/6/2011	đến 30/6/2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>535.330</b>	<b>491.355</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	391.476	271.338
Các khoản dự phòng	03	(42)	27.785
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	223.713	94.594
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(262.920)	(57.627)
Chi phí lãi vay	06	128.359	74.836
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.015.916</b>	<b>902.281</b>
Tăng các khoản phải thu	09	(1.639.107)	(1.819.223)
Tăng hàng tồn kho	10	(459.261)	(4.122)
Tăng các khoản phải trả	11	3.464.235	2.419.385
Tăng tài sản ngắn hạn khác	12	(168.251)	(214.012)
Tiền lãi vay đã trả	13	(204.568)	(70.668)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(121.788)	(75.019)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	79.494	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(19.867)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.946.803</b>	<b>1.138.622</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(679.836)	(1.105.080)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	14.560	1.468
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	28.454	-
4. Tiền chi đầu tư vốn vào đơn vị khác	25	(485.726)	(3.750)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	177.880	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	107.880	82.499
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(836.788)</b>	<b>(1.024.863)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	539.899	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.279.711	617.883
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(703.152)	(200.482)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(144.984)	(396.989)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>971.474</b>	<b>20.412</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong giai đoạn</b>	<b>50</b>	<b>2.081.489</b>	<b>134.171</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu giai đoạn</b>	<b>60</b>	<b>2.786.042</b>	<b>1.977.139</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	5.088	(15.824)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối giai đoạn</b>	<b>70</b>	<b>4.872.619</b>	<b>2.095.486</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền mua tài sản cố định không bao gồm số tiền 595.207 triệu đồng (năm 2010: 439.000 triệu đồng) là số tiền mua tài sản cố định trong giai đoạn chưa thanh toán cho người bán. Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 4.587 triệu đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2011. Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu không bao gồm số tiền 510.117 triệu đồng là khoản vốn góp đã nhận được trong năm 2010 từ các cổ đông. Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi đầu tư và góp vốn vào công ty khác không bao gồm số tiền 1.646.969 triệu đồng là khoản tiền đầu tư dài hạn khác được thanh toán bằng cách bù trừ công nợ với các công ty này. Các giao dịch này không ảnh hưởng đến tiền lưu chuyển và vì vậy, không được trình bày trong báo cáo trên đây.



*Nguyễn Hùng Dũng*  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2011  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 4 số 0100150577 ngày 28 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Petro Việt Nam") là cổ đông chính và là Công ty mẹ.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 9.200 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 7.561 người).

Tổng Công ty có 14 công ty con và các Chi nhánh trực thuộc như sau:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ khai thác dầu khí
- Công ty Cổ phần Dịch vụ cơ khí hàng hải
- Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi
- Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí biển PTSC
- Công ty Cổ phần Khách sạn dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ
- Công ty Cổ phần đóng mới và sửa chữa phương tiện nổi PTSC
- Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí
- Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch Vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch Vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban QLDA Nhiệt Điện Long Phú
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Đầu tư đóng mới và mua sắm phương tiện nổi

#### Hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ dầu khí; quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ; dịch vụ căn cứ cảng; dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hoá; quản lý kinh doanh và khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu (FPSO); quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi; xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; kinh doanh khách sạn và văn phòng làm việc; dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; kinh doanh các sản phẩm dầu khí và phân đạm.

2011  
HÌNH  
CÔNG  
NHỆ  
BLO  
IET  
TP. H  
I TRI

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng triệu đồng (triệu VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho giai đoạn 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

## 3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

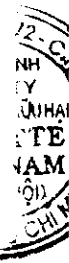
### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho cho giai đoạn 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong giai đoạn được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế thương mại nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại là 10 năm.

**Bất lợi thương mại**

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua các công ty này so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 8
Tài sản khác	3 - 8

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm quản lý khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Phần mềm quản lý được khấu hao trong thời gian 3 năm.

1202  
CHINH  
CON  
CHINH  
YELC  
TIET  
TP.H



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, giá trị lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian sử dụng của lô đất.

Tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê từ 10 năm đến 50 năm.

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản cho của các công ty con khi thực hiện chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 10 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

#### **Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư tài chính vào các công ty cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

#### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

#### Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

372-C  
NH  
TY  
DINH  
TE  
NAM  
HOD  
CH

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều giai đoạn thì doanh thu được ghi nhận trong giai đoạn theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc giai đoạn. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ; và
  - (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư (trừ lãi từ đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh) được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 tăng 141.191 triệu đồng (năm 2010: 14.744 triệu đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái”

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 được ghi nợ một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất tài sản cố định cho năm tài chính trước khi được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (được vốn hóa); chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã đưa vào sử dụng, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trong giai đoạn.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

### Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp phản ánh tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong giai đoạn. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận thuần không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

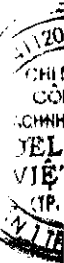
Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Tiền mặt	7.580	6.857
Tiền gửi ngân hàng	3.904.296	2.112.043
Tiền đang chuyển	15.051	6
Các khoản tương đương tiền	945.692	667.136
	<u><b>4.872.619</b></u>	<u><b>2.786.042</b></u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày kết thúc giai đoạn kế toán. Số dư khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm khoản 2.383 triệu đồng là khoản tiền gửi được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tổng Công ty.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	2.956	63.957
Nguyên liệu, vật liệu	299.788	144.759
Công cụ, dụng cụ	6.401	8.457
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	596.549	230.892
Hàng hóa	3.170	1.538
	<u><b>908.864</b></u>	<u><b>449.603</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.784)	(3.784)
	<u><b>905.080</b></u>	<u><b>445.819</b></u>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VNĐ	Máy móc, thiết bị Triệu VNĐ	Phương tiện vận tải Triệu VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác Triệu VNĐ	Tài sản cố định khác Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 1/1/2011	2.275.060	662.738	4.540.282	63.724	10.644	7.552.448
Mua sắm mới	18.844	58.065	52.055	8.132	-	137.096
Chuyển từ XDCBDD	12.087	17.604	179.256	-	-	208.947
Tặng khác	28.332	5.571	19524	99	280	53.806
Thanh lý, nhượng bán	-	(98)	(12.694)	(1.768)	-	(14.560)
Tại ngày 30/6/2011	<u>2.334.323</u>	<u>743.880</u>	<u>4.778.423</u>	<u>70.187</u>	<u>10.924</u>	<u>7.937.737</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 1/1/2011	344.859	162.836	1.637.189	40.703	1.841	2.187.428
Trích khấu hao	78.883	44.812	256.183	7.243	955	388.076
Thanh lý, nhượng bán	-	(98)	(1.575)	(1.768)	-	(3.441)
Giảm khác	(3.267)	(3.531)	(44.023)	(3.584)	(11)	(54.416)
Tại ngày 30/6/2011	<u>420.475</u>	<u>204.019</u>	<u>1.847.774</u>	<u>42.594</u>	<u>2.785</u>	<u>2.517.647</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2011	<u>1.913.848</u>	<u>539.861</u>	<u>2.930.649</u>	<u>27.593</u>	<u>8.139</u>	<u>5.420.090</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.930.201</u>	<u>499.902</u>	<u>2.903.093</u>	<u>23.021</u>	<u>8.803</u>	<u>5.365.020</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 và 18, Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 2.542.103 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.308.735 triệu đồng) để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 958.799 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 996.252 triệu đồng).

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Phần mềm máy tính Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	1.711	22.840	24.551
Tăng trong giai đoạn	-	3.534	3.534
Tăng khác	-	193	193
Giảm khác	-	(275)	(275)
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>1.711</b>	<b>26.292</b>	<b>28.003</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	-	6.855	6.855
Khấu hao trong giai đoạn	-	3.402	3.402
Tăng khác	-	51	51
Giảm khác	-	(157)	(157)
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>-</b>	<b>10.151</b>	<b>10.151</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2011	<b>1.711</b>	<b>16.141</b>	<b>17.852</b>
Tại ngày 31/12/2010	<b>1.711</b>	<b>15.985</b>	<b>17.696</b>

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/6/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Đóng mới kho nổi chứa xuất dầu FSO5	2.614.009	2.604.316
Dự án mở rộng căn cứ cảng hạ lưu Vũng Tàu	328.432	208.726
Căn cứ chế tạo phương tiện nổi	78.597	28.617
Cảng Phước An	54.958	+
Dự án tiếp nhận và Đầu tư MR GDII Cảng Hòn La	46.342	36.017
Dự án đóng 1 tàu Tug Boat 2200HP	42.337	21.642
Hệ thống làm sạch bề mặt kim loại	37.909	+
Trung tâm thương mại Đà Nẵng	26.692	10.003
Nhà nghỉ giữa ca khu 8 Hecta	11.964	9.957
Khu dịch vụ dầu khí tổng hợp Dung Quất	9.737	9.724
Khu Dv công ty Halliburton	8.574	6.859
Kho đôi cho công ty Chevron & Công ty Trường Sơn JOC thuê	2.671	2.671
Cải tạo khu nhà ở của người lao động	2.664	1.371
DA Đóng mới và kinh doanh tàu DV Đa năng 10.000 HP	2.057	+
Các công trình thiết bị phụ trợ cho Xưởng cơ khí tại căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí hạ lưu Vũng Tàu	2.013	2.013
Dự án Đóng mới và kinh doanh tàu Dịch vụ Đa năng 10.000 HP	-	2.057
Khu nhà xưởng Cơ khí Bảo dưỡng	-	15.974
Hệ thống phun bi tổng đoạn	-	16.122
Xây dựng cơ bản dở dang khác	24.653	11.613
	<b>3.293.609</b>	<b>2.987.682</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Tổng Công ty đã thế chấp các một số công trình xây dựng cơ bản dở dang với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 328.432 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 46.832 triệu đồng) để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng.

Thực hiện theo Công văn số 6351/DKVN-KH ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Petro Việt Nam về việc chuyển nhượng công trình kho nổi chứa dầu FSO5, Công ty mẹ đồng ý chuyển nhượng FSO5 cho Liên doanh dầu khí Việt Nga (VSP). Tại ngày lập báo cáo này, Công ty mẹ đang thực hiện các thủ tục chuyển nhượng.

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải	Việt Nam	96,14%	96,14%	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi	Việt Nam	95,19%	95,19%	Thương mại, xây dựng
Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	84,95%	84,95%	Vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	54,69%	54,69%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	Việt Nam	52,00%	52,00%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Khách sạn dầu khí	Việt Nam	97,07%	97,07%	Dịch vụ khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu Khí Phương Đông	Việt Nam	60,40%	60,40%	Dịch vụ Du lịch
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí	Việt Nam	51,00%	45,12%	Dịch vụ Công nghệ thông tin
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm dầu khí PTSC	Việt Nam	100%	100%	Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm
Công ty Cổ phần đóng mới và sửa chữa phương tiện nổi PTSC	Việt Nam	51,00%	36,81%	Dịch vụ đóng tàu và cầu kiện nổi
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Việt Nam	51,00%	60,71%	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Việt Nam	89,88%	99,87%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Việt Nam	99,61%	99,61%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An	Việt Nam	50,00%	56,82%	Dịch vụ căn cứ cảng

Mặc dù Tổng Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí, và theo đó Công ty không nắm giữ được hơn 50% quyền biểu quyết, nhưng theo thỏa thuận, Tổng Công ty vẫn được quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm phần lớn các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động của công ty con. Theo đó, Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí vẫn thuộc sự kiểm soát của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí được hợp nhất trong báo cáo tài chính này.

Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 35/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (PTC), đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty (chiếm 60,39% vốn điều lệ) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Công ty cổ phần khách sạn và dịch vụ Đại Dương. Ngày 29 tháng 7 năm 2011, PTC đã có công văn số 34/HĐQT-PTC gửi Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước báo cáo về việc chuyển nhượng cổ phần theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông. Việc chuyển nhượng sẽ được Tổng Công ty hoàn thành trong 6 tháng cuối năm 2011.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 08/2011/PTSC-PVC ngày 21 tháng 3 năm 2011, Tổng Công ty mua lại 20 triệu cổ phần của Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là “Cảng Phước An”) từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 15 tháng 4 năm 2011, Tổng Công ty ký tiếp hợp đồng số 20/2011/PVFC-PTSC mua lại 5 triệu cổ phần của Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí. Theo đó, kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2011, Cảng Phước An trở thành công ty con của Tổng Công ty. Bất lợi thương mại phát sinh với số tiền là 4.475 triệu đồng từ nghiệp vụ mua Cảng Phước An được Tổng Công ty ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn.

Trong giai đoạn, Tổng Công ty đã chuyển đổi một số chi nhánh sang hình thức công ty cổ phần, bao gồm: Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình, Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC. Các công ty trên đã hoàn thành việc chuyển đổi và bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2011.

Trong giai đoạn, Tổng Công ty đã tiến hành chuyển đổi các công ty con từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần là Công ty Cổ phần Dịch vụ, Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải. Các công ty trên đã hoàn thành việc chuyển đổi và bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần tương ứng kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 và ngày 1 tháng 4 năm 2011.

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Giá trị khoản đầu tư gốc	993.175	993.175
<b>Phần kết quả thuần của các công ty liên kết, liên doanh:</b>		
Các năm trước	231.484	15.069
Trong giai đoạn	<u>(46.457)</u>	<u>216.416</u>
	<u><b>1.178.202</b></u>	<u><b>1.224.660</b></u>

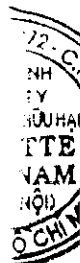
Phần kết quả thuần trong giai đoạn đã bao gồm phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận của các công ty liên doanh, liên kết. Trong đó, khoản lỗ từ liên doanh Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited là 65.290 triệu đồng.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ	
		Sở hữu	Hoạt động chính
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	Singapore	33,00%	Dịch vụ dầu khí
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	Malaysia	49,00%	Dịch vụ tàu thuyền
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	Malaysia	60,00%	Dịch vụ tàu thuyền
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt nam	Việt Nam	37,00%	Dịch vụ dầu khí
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Việt Nam	20,05%	Dịch vụ căn cứ cảng

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Cho vay Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	236.877	243.581
Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần khác	<u>254.013</u>	<u>240.892</u>
	<b>490.890</b>	<b>484.473</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(8.411)</u>	<u>(9.342)</u>
	<u><b>482.479</b></u>	<u><b>475.131</b></u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Khoản cho Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 vay là khoản vay không có bảo đảm và được hưởng lãi suất BBA LIBOR và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh với Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư khoản cho vay này tương đương 11.488.864,31 Đô la Mỹ.

Khoản đầu tư dài hạn khác của Tổng Công ty là các khoản góp vốn vào các công ty cổ phần có cổ phiếu chưa niêm yết trong các doanh nghiệp và Tổng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác và trích lập dự phòng giảm giá các đầu tư theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Thuê đất tại Cảng đạm Phú Mỹ	8.084	9.701
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn	326.479	326.763
Thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ	134.616	136.789
Giá trị lợi thế kinh doanh về vị trí địa lý	165.917	13.146
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	37.724	26.751
	<u><b>672.820</b></u>	<u><b>513.151</b></u>

Tiền thuê đất tại Cảng đạm Phú Mỹ phản ánh số tiền thuê 264.985 m<sup>2</sup> đất trả trước cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (UDECI) để sử dụng vào mục đích xây dựng Cảng Đạm và Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ với thời hạn 25 năm. Khoản tiền thuê đất này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm căn cứ vào tình hình thực tế sử dụng. Thời gian phân bổ còn lại là 3 năm.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn với số tiền 326.763 triệu đồng, có thời hạn thuê 50 năm tính từ tháng 10 năm 2010. Tổng Công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

PTSC Đình Vũ đã thực hiện thuê 139.000 m<sup>2</sup> đất tại khu kinh tế Đình Vũ - Hải phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và Cảng phục vụ Khu công nghiệp. Thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Giá trị quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ tháng 7 năm 2008 là thời điểm bắt đầu sử dụng đất cho đến hết thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Giá trị lợi thế kinh doanh về vị trí địa lý phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản các công ty con khi thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần. Giá trị lợi thế kinh doanh phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ năm 2011.

**14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Lợi thế thương mại là chênh lệch giữa giá phí mà Tổng Công ty mua Công ty Cổ phần Du lịch Dầu Khí Phương Đông (“PTSC Phương Đông”) và phần lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý tài sản thuần của PTSC Phương Đông tại thời điểm mua. Khoản lợi thế thương mại này được phân bổ trong 10 năm.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	915.262	879.607
Trong đó:		
- Vay từ Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt nam (PVFC)	905.639	679.009
- Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	598
- Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	-	200.000
- Vay Ngân hàng Thương mại Đại Dương	8.671	+
- Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	952	+
Vay dài hạn đến hạn trả	2.100.540	616.368
	<u><b>3.015.802</b></u>	<u><b>1.495.975</b></u>

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương là khoản vay với số tiền 422.240 Đô la Mỹ vay từ ngày 6 tháng 6 năm 2011 tới ngày 6 tháng 6 năm 2012, với lãi suất vay là 6%/năm, vay nhằm mua máy móc phục vụ cho dự án đóng tàu 2200 HP.

Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt nam (PVFC) bao gồm các khoản vay sau:

- Khoản vay với số tiền là 676.009.200.000 đồng bắt đầu từ ngày 25 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 25 tháng 10 năm 2010, mức lãi suất áp dụng là 8,392%/năm và lãi nhập vốn gốc từ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Khoản vay này đã được điều chỉnh thời gian đáo hạn đến ngày 25 tháng 12 năm 2011 theo nghị quyết 299/NQ-DKVN ngày 11 tháng 1 năm 2011 của tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Lãi suất cho vay phát sinh trong năm 2011 được tính bằng 100% lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng của Vietcombank tại 1 tháng 1 năm 2011 và được điều chỉnh hàng quý.
- Khoản vay với số tiền là 228.630.275.888 đồng bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2011 và thời hạn vay tối đa là 3 tháng với lãi suất ưu đãi là 0%/năm trong vòng 25 ngày kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2011 và sẽ thỏa thuận lại lãi suất cho vay sau đó.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 9, Tổng Công ty đồng ý chuyển nhượng công trình kho nổi chứa dầu FSO5 cho Liên doanh dầu khí Việt Nga (VSP). Theo đó, Tổng Công ty đồng thời sẽ chuyển toàn bộ nợ vay dài hạn gốc USD từ PVFC phục vụ dự án này sang cho VSP. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, toàn bộ số dư nợ gốc 75.919.078 Đô la Mỹ (tương đương 1.565.299.555.771 đồng) phải trả cho PVFC được chuyển sang khoản mục vay dài hạn đến hạn trả của Tổng Công ty.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	401.107	57.884
Thuế tiêu thụ đặc biệt	147	109
Thuế xuất, nhập khẩu	150	48
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.155	71.318
Thuế thu nhập cá nhân	10.116	20.476
Các loại thuế khác	57.156	41.803
	<u><b>507.831</b></u>	<u><b>191.638</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Phải trả Petro Việt Nam	819.512	815.011
Vốn góp của cổ đông để tăng vốn điều lệ năm 2011	-	510.118
Phải trả tiền lương, thưởng	47.492	97.046
Cổ tức phải trả	4.253	149.572
Khác	186.252	160.506
	<u><b>1.057.509</b></u>	<u><b>1.732.253</b></u>

Phải trả Petro Việt Nam bao gồm các khoản cổ tức, phải trả do chuyển nhượng các công ty con, quyết toán số tiền phải nộp về lãi vay ủy thác vốn, phí quản lý và các khoản phải trả khác.

**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Đồng Việt Nam	1.379.505	737.365
Đô la Mỹ	4.375.950	4.111.269
	<u><b>5.755.455</b></u>	<u><b>4.848.634</b></u>

Vay dài hạn bằng Đồng Việt Nam bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu, Ngân hàng Chinatrust, Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam. Các khoản vay này có lãi suất vay từ 4,1 %/năm đến 20%/năm.

Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Mitsubishi, Ngân hàng Indovina, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Ngân hàng Việt Nga, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Bangkok, Ngân hàng Natixis, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam. Các khoản vay này có lãi suất vay từ 1,9%/năm đến 7,8%/năm.

Mục đích của các khoản vay dài hạn nhằm thanh toán các chi phí liên quan tới các dự án xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh, mua lại phần vốn góp vào cảng Phước An và PV Shipyards.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ tiền vay, được Petro Việt Nam bảo lãnh hoặc không được bảo đảm.

Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 tương đương 212.239.283 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 217.159.766 Đô la Mỹ). Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Trong vòng 1 năm	2.100.540	616.368
Từ 1 năm đến 2 năm	806.831	717.640
Từ 3 năm đến 5 năm	1.913.719	1.913.571
Trên 5 năm	934.365	1.601.055
	<u><b>5.755.455</b></u>	<u><b>4.848.634</b></u>
Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm (trình bày như vay ngắn hạn, xem Thuyết minh 16)	<u>(2.100.540)</u>	<u>(616.368)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>3.654.915</b></u>	<u><b>4.232.266</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 1294/NQ-DVĐK-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, các cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 2.978 tỷ đồng lên 3.573,6 tỷ đồng bằng việc phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và một phần quỹ đầu tư phát triển và giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục tăng vốn này. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty chưa thực hiện các thủ tục tăng vốn.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011:

	Tại 30/6/2011		Tại 31/12/2010	
	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần
Petro Việt Nam	51,4	153.000.000	51,3	102.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	9,2	27.411.700	12,6	25.042.740
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương	5,4	16.200.000	5,4	10.800.000
Các cổ đông khác	34,0	101.190.394	30,7	60.960.691
	<b>100</b>	<b>297.802.094</b>	<b>100</b>	<b>198.803.431</b>

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong giai đoạn như sau:

	Vốn điều lệ Triệu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VNĐ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản Triệu VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VNĐ	Các quỹ Triệu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Tại ngày 1/1/2010	2.000.000	486.293	-	37.863	391.972	634.056	3.550.184
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	920.635	920.635
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	405.840	(600.671)	(194.831)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(698.205)	(698.205)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(23.119)	-	-	(23.119)
Tăng/(Giảm) khác	(11.966)	-	-	-	638	(18.067)	(29.395)
Tại ngày 31/12/2010	<b>1.988.034</b>	<b>486.293</b>	-	<b>14.744</b>	<b>798.450</b>	<b>237.748</b>	<b>3.525.269</b>
Tăng vốn điều lệ	989.987	-	-	-	-	-	989.987
Lợi nhuận trong giai đoạn	-	-	-	-	-	424.433	424.433
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(141.191)	-	-	(141.191)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	79.258	-	(15)	2.686	81.929
Tại ngày 30/6/2011	<b>2.978.021</b>	<b>486.293</b>	<b>79.258</b>	<b>(126.447)</b>	<b>798.435</b>	<b>664.867</b>	<b>4.880.427</b>

Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản lợi thể kinh doanh phát sinh do xác định lại giá trị doanh nghiệp cho mục đích chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần của Công ty TNHH Dịch vụ, Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC hiện đang chờ hướng dẫn xử lý từ các cơ quan có thẩm quyền.

Số dư chênh lệch tỷ giá hối đoái tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại khoản vay PVFC liên quan đến dự án kho nổi chứa dầu FSO5 với số tiền là 135.819.231.019 đồng. Như đã nêu tại Thuyết minh số 9 và 15, Công ty mẹ đồng ý chuyển nhượng công trình kho nổi chứa dầu FSO5 cho Liên doanh dầu khí Việt Nga (VSP) và đồng thời sẽ chuyển toàn bộ nợ vay dài hạn gốc USD từ PVFC phục vụ dự án này sang cho VSP. Theo đó, khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại nêu trên cũng sẽ được chuyển cho VSP cùng với khoản nợ gốc vay.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 6 tháng

kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

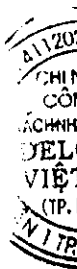
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MÃU B 09 - DN/HN**

**20. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Cảng Dầu khí Tổng hợp PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí PTSC Đình Vũ	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí PVTECH	Công ty Cổ phần Đồng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC	Công ty Cổ phần Đầu tư Đầu tư KT Cảng Phước An
Vốn điều lệ của công ty con (triệu đồng)	600.000	168.000	300.000	350.000	225.000	150.000	400.000	225.000	42.353	76.770	440.000
<i>Trong đó:</i>											
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	576.861	102.000	285.581	348.645	224.700	145.603	218.773	117.000	19.109	28.260	250.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	23.140	66.000	14.419	1.355	300	4.397	181.227	108.000	23.244	48.510	190.000
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>3,86%</b>	<b>15,05%</b>	<b>4,81%</b>	<b>0,39%</b>	<b>0,13%</b>	<b>2,93%</b>	<b>45,31%</b>	<b>48,00%</b>	<b>54,88%</b>	<b>63,19%</b>	<b>43,18%</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho giai đoạn 6 tháng  
 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2011:

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo đường	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Binh	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phủ Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Đầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Khách sạn Đầu khí PTSC	Công ty TNHH Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phường Đông	Công ty Cổ phần Du lich Dầu khí Phường Đông	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đỉnh Vũ	Công ty phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí PVTECH	Công ty Cổ phần Đông mới và Sutra chứa Phường tiền nói PTSC	Công ty Cổ phần Dầu khí Dầu tu KT Cảng Phước An Triệu VND
Tổng tài sản	4.489.003	1.750.881	684.987	503.123	297.130	463.783	187.705	510.541	97.849	111.126	458.250	
Tổng nợ phải trả	3.735.095	1.337.814	506.903	151.426	154.171	62.841	67.878	301.106	50.440	35.239	9.492	
Tài sản thuần	753.908	413.067	178.084	351.697	142.959	400.942	119.827	209.435	47.409	75.887	448.758	
<i>Chi tiết như sau:</i>												
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	600.000	400.000	168.000	350.000	150.000	400.000	150.000	225.000	42.353	76.770	440.000	
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	22.820	-	-	-	-	
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	449	-	4.364	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.107)	4.730	-	24	-	-	-	329	-	-	-	
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	62	-	-	-	-	456	792	
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	117	-	448	-	396	
Lợi nhuận chưa phân phối	155.015	8.337	10.084	1.697	(2.402)	942	(53.110)	(15.894)	3.703	(883)	3.206	
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>29.075</b>	<b>61.892</b>	<b>69.962</b>	<b>1.362</b>	<b>4.197</b>	<b>182.496</b>	<b>47.456</b>	<b>100.529</b>	<b>25.449</b>	<b>48.027</b>	<b>193.780</b>	
<i>Chi tiết như sau:</i>												
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	23.140	60.193	66.000	1.355	4.397	181.227	59.406	108.000	23.244	48.510	190.000	
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	9.038	-	-	-	-	
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	246	-	1.884	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(43)	712	-	-	-	-	-	158	-	-	-	
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-	202	-	342	
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	46	-	198	-	170	
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	(48)	-	-	
Lợi nhuận chưa phân phối	5.978	987	3.962	7	(200)	1.269	(21.034)	(7.629)	1.607	(483)	1.384	



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower

Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 6 tháng

kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

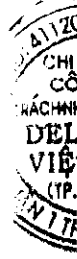
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU B 09 - DN/HN**

	Dịch vụ cung ứng tàu biển		Dịch vụ cung ứng FSO/FPSO		Dịch vụ công trình và sửa chữa công trình ngầm bằng ROV		Khảo sát địa chấn, địa chất		Cung cấp dịch vụ cảng		Cơ khí, đóng mới và xây lắp		Sửa chữa, vận hành và lắp đặt		Dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng cộng		
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
<b>Tài sản</b>																					
Tài sản bộ phận	5.245.132	3.681.662	1.371.270	5.538.992	6.577.463	2.261.821	1.279.524	(4.922.532)	21.033.332												
Lãi từ công ty liên kết																					185.028
Tài sản không phân bổ																					1.352.219
Tổng tài sản hợp nhất																					<u>22.570.579</u>
<b>Nợ phải trả</b>																					
Nợ phải trả bộ phận	4.247.281	3.644.716	1.402.050	3.465.154	5.653.075	1.814.662	799.966	(4.922.532)	16.104.372												806.414
Nợ phải trả không phân bổ																					
Tổng nợ phải trả hợp nhất																					<u>16.910.786</u>

**Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011**

	Dịch vụ cung ứng tàu biển		Dịch vụ công trình và sửa chữa công trình ngầm bằng ROV		Dịch vụ công ứng FSO/FPSO		Dịch vụ cung cấp dịch vụ cảng		Cơ khí, đóng mới và xây lắp		Sửa chữa, vận hành và lắp đặt		Dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng cộng					
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND			
<b>Doanh thu</b>																						
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	1.949.477	260.298	703.892	437.043	6.406.511	986.944	352.921														11.097.086	
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	74.616	131	-	152.200	217.590	339.237	123.365														-	
Tổng doanh thu	2.024.092	260.429	703.892	589.243	6.624.101	1.326.181	476.286														11.097.086	
<b>Lợi nhuận gộp</b>																						
Lợi nhuận gộp bộ phận	192.556	100.735	18.777	132.577	254.851	79.356	49.133														827.985	
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý																						250.503
Lãi thuần từ hoạt động tài chính																						(207.665)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh																						369.817
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác																						211.969
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết																						(46.457)
Lợi nhuận trước thuế																						535.330
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp																						87.888
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại																						13.820
Lợi nhuận trong giai đoạn																						<u>433.622</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ
Doanh thu bán hàng	7.253	1.316.896
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.098.799	6.253.622
Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.991.818	-
	<b>11.097.870</b>	<b>7.570.518</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.924	1.320.098
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.513.398	5.847.581
Giá vốn hợp đồng xây dựng	5.748.777	-
	<b>10.269.099</b>	<b>7.167.679</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	113.116	41.628
Cổ tức, lợi nhuận được chia	570	15.990
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	188.549	203.326
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.496	6.076
	<b>306.731</b>	<b>267.020</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ
Chi phí lãi vay	128.359	74.836
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	223.713	94.594
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	163.158	65.466
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	(1.069)	2.903
Chi phí tài chính khác	235	784
	<b>514.396</b>	<b>238.583</b>

1372.  
HÀNH  
CÔNG TY  
KHUẤT  
HITTT  
NAJ  
À NỘI  
C CH



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	13.212	9
Thu từ bồi thường	301	1.419
Liên doanh MVOT trả chi phí thành lập	21.649	-
Lãi phạt MVOT chậm thanh toán	11.262	-
Tăng lợi thế kinh doanh	81.525	-
Chênh lệch do định giá tài sản	116.203	-
Các khoản thu nhập khác	3.458	21.560
	<b>247.610</b>	<b>22.988</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ
Phạt, bồi thường	4.749	13
Chi thanh lý tài sản cố định	12.950	-
Giảm nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại	9.044	-
Các khoản chi phí khác	8.898	1.415
	<b>35.641</b>	<b>1.428</b>

**28. (LỖ)/ LỢI NHUẬN THUẬN TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ
Công ty Bảo Dưỡng và sửa chữa công trình dầu khí	-	19
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	8.234	9.449
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	5.357	191.808
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	(65.290)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	1.512	2.770
Công ty Cổ phần Bảo vệ An ninh Dầu khí	3.730	-
	<b>(46.457)</b>	<b>204.046</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	535.330	484.958
<u>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</u>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(237.289)	(204.046)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	60.528	67.875
Thu nhập chịu thuế	358.569	348.787
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.642	87.196
Điều chỉnh giảm thuế	1.754	(43.598)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>87.888</b>	<b>43.598</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>13.820</b>	<b>50.314</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (2007 và 2008) và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Năm 2011, là năm thứ ba Tổng Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động kinh doanh chính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, một khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 68.440 triệu đồng được ghi nhận cho phần thu nhập được hưởng từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết. Ngoài ra, Tổng Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại nào khác do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập.

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
Lợi nhuận trong giai đoạn phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty (Triệu VNĐ)	424.433	404.729
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Triệu VNĐ)	424.433	404.729
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	272.780.454	196.455.365
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.556	2.060

**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động tàu và thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho PTSC Cảng không hủy ngang với tổng số tiền thuê lần lượt là 5.083 tỷ đồng (năm 2010: 5.090 tỷ đồng) và 159 tỷ đồng (năm 2010: 161 tỷ đồng). Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 đến 5 năm tính từ năm 2011. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với kỳ hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong giai đoạn, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro	-	135.731
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	296.040	282.539
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Việt Nam	518.717	362.788
Tổng Công ty Khí Việt Nam	131.656	46.071
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	829	1.575
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	23.412	13.637
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.368	127
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	2.334	2.726
Tổng Công ty Cổ phần Phân đạm và hóa chất Dầu khí	12.312	727
Chi nhánh Petro Việt Nam - Công ty điều hành dầu khí biển Đông	35.508	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	565.963	-
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	20.385	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	90.123	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Nhận chuyển nhượng vốn góp**

Petro Việt Nam	-	125.106
Tổng công ty tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam	58.000	-
Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam	200.000	-

**Chi phí lãi vay**

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>84.065</u>	<u>42.667</u>
---	---------------	---------------

**Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong giai đoạn:**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 <u>Triệu VNĐ</u>	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 <u>Triệu VNĐ</u>
Lương và các khoản thu nhập khác	<u>7.042</u>	<u>5.845</u>

**Số dư với các bên liên quan:**

	30/6/2011 <u>Triệu VNĐ</u>	31/12/2010 <u>Triệu VNĐ</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	491.335	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	9.460	270.851
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí	227.222	-
Tổng Công ty Thăm dò - Khai thác Dầu khí	256.329	169.284
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	10.014	-
Tổng Công ty Cổ phần khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	15.714	26.418
Tổng Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	2.291	5.654
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	585	31
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	3.708	6.597
Tổng Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí	578	337
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	65.283	101.179
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	2.071	-
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	211.401	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	<u>11.293</u>	<u>17.057</u>

**Phải trả**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.534.732	1.536.716
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	25.580	18.597
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	67.976	26.133
Tổng Công ty Thăm dò - Khai thác Dầu khí	621.943	559.702
Tổng Công ty Cổ phần khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	37.980	40.620
Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam	1.309	11.888
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	30.706	24.276
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	18.720	691
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	13.784	11.007
Tổng Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí	29	1.289
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	451	16.372
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	<u>2.519</u>	<u>2.519</u>

**Vay dài hạn**

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>2.701.612</u>	<u>2.186.524</u>
---	------------------	------------------

**Vay ngắn hạn**

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>905.639</u>	<u>679.009</u>
---	----------------	----------------

1/2-6  
NH  
TY  
HUU  
TTE  
NAM  
VON  
CHIT

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower  
Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho giai đoạn 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Vào ngày 22 tháng 7 năm 2011, Tổng Công ty và Công ty Yinson Holdings Berhad (Malaysia) ("Yinson") đã ký hợp đồng chuyển nhượng 14.000.000 cổ phần tương đương 40% vốn điều lệ (182 tỷ đồng) của Công ty PTSC Phú Mỹ từ Tổng Công ty cho Yinson. Theo đó, tỷ lệ nắm giữ cổ phần PTSC Phú Mỹ của Tổng Công ty sẽ giảm từ 99,6% xuống còn 59,6% sau khi chuyển nhượng.



*Nguyễn Hùng Dũng*  
Tổng Giám đốc  
Ngày 19 tháng 8 năm 2011  
Thành phố Hồ Chí Minh. CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng *Nguyễn Xuân Cường*

